

CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN HÀ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....000.....

Số: 16/CV/2025-SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính kiểm  
toán Hợp Nhất 2024.

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Hợp Nhất sau kiểm toán năm  
2024 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
và thuyết minh báo cáo tình chính .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày  
28/04/2024 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT

CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
SƠN HÀ  
SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY

CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

DN: C=VN, L=TPHCM,

CN=CÔNG TY CỔ PHẦN

SƠN HÀ SÀI GÒN,

OID.0.9.2342.19200300.100.1

1=MST:0307526635,

E=VIETTELGROUP2020@GM

AIL.COM

Reason: I am the author of this

document

Location: your signing location

here

Date: 2025.03.27 16:33:

57+07'00'

Foxit Reader Version: 10.1.1

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ THỊ THANH LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ms. Ngo Thi Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Mr. Hoang Tuan Thanh	Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thu Hạnh.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *R*



\_\_\_\_\_  
**Ngô Thị Thanh Lan**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 313/2025/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2025, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**Bùi Đức Nam**  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>876.628.946.775</b>	<b>813.302.755.165</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.395.860.579	39.777.636.400
Tiền	111		69.395.860.579	39.777.636.400
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.200.000.000	19.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	42.200.000.000	19.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.260.903.011	301.787.715.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	281.708.126.416	274.216.588.965
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.799.988.348	3.601.667.149
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14.937.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	27.950.652.128	9.850.231.223
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.197.863.881)	(822.711.533)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.940.001
Hàng tồn kho	140	8	440.481.021.792	436.420.557.518
Hàng tồn kho	141		440.481.021.792	436.420.557.518
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.291.161.393	16.116.845.442
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.850.710.971	4.798.007.570
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.292.178.772	11.313.607.347
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	148.271.650	5.230.525
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>181.992.203.938</b>	<b>198.925.680.390</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		250.460.684	630.743.934
Phải thu dài hạn khác	216	10	250.460.684	630.743.934
Tài sản cố định	220		139.013.888.774	155.383.632.644
Tài sản cố định hữu hình	221	11	99.229.746.152	111.710.521.975
- Nguyên giá	222		243.744.930.708	236.431.739.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(144.515.184.556)	(124.721.217.877)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	509.107.396	3.189.010.352
- Nguyên giá	225		1.090.944.420	6.345.826.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(581.837.024)	(3.156.815.886)
Tài sản cố định vô hình	227	13	39.275.035.226	40.484.100.317
- Nguyên giá	228		55.124.134.444	55.124.134.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.849.099.218)	(14.640.034.127)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.049.377.274	31.049.377.274
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	31.049.377.274	31.049.377.274
Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.678.477.206	1.861.926.538
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	500.678.697	839.091.574
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.177.798.509	1.022.834.964
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.058.621.150.713</b>	<b>1.012.228.435.555</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>632.330.583.914</b>	<b>599.158.140.361</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>631.586.557.518</b>	<b>597.992.612.723</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	37.109.991.877	28.885.658.669
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.549.156.689	4.375.230.127
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.450.335.404	3.171.024.617
Phải trả người lao động	314		5.088.304.581	4.331.516.250
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	8.009.867.677	4.410.566.039
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	690.381.316	643.367.395
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	572.406.613.130	549.893.342.782
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.281.906.844	2.281.906.844
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>744.026.396</b>	<b>1.165.527.638</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	234.919.000	251.919.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	509.107.396	913.608.638
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>426.290.566.799</b>	<b>413.070.295.194</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>426.290.566.799</b>	<b>413.070.295.194</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		334.466.750.000	334.466.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		334.466.750.000	334.466.750.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.686.797.071	13.686.797.071
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.387.019.728	65.166.748.123
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		64.890.748.123	52.780.184.461
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.496.271.605	12.386.563.662
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.058.621.150.713</b>	<b>1.012.228.435.555</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập

Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh

Tổng giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>1.224.134.184.364</b>	<b>1.156.231.495.236</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	83.765.581.312	72.616.728.760
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.140.368.603.052</b>	<b>1.083.614.766.476</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	1.002.430.915.096	938.894.283.018
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>137.937.687.956</b>	<b>144.720.483.458</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.680.121.522	5.726.407.671
Chi phí tài chính	22	24	36.673.635.993	44.067.810.115
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		36.571.634.872	43.703.290.249
Chi phí bán hàng	25	25	70.950.903.842	66.680.200.471
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	22.965.780.663	24.850.841.570
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.027.488.980</b>	<b>14.848.038.973</b>
Thu nhập khác	31	26	397.388.650	852.167.640
Chi phí khác	32		78.709.339	47.045.545
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>318.679.311</b>	<b>805.122.095</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.346.168.291</b>	<b>15.653.161.068</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.004.860.231	3.286.746.494
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(154.963.545)	(20.149.088)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13.496.271.605</b>	<b>12.386.563.662</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.496.271.605	12.386.563.662
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>404</b>	<b>370</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>31</b>	<b>404</b>	<b>370</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.346.168.291</b>	<b>15.653.161.068</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.986.205.432	18.920.343.853
Các khoản dự phòng	03	375.152.348	(1.118.201.917)
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05	(1.939.640.516)	(1.098.294.461)
Chi phí lãi vay	06	36.571.634.872	43.703.290.249
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>70.339.520.427</b>	<b>76.060.298.792</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.445.746.802)	26.568.685.213
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.060.464.274)	(20.959.594.277)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.838.097.886	(65.658.296.405)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.285.709.476	3.193.863.289
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.467.393.340)	(43.981.912.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.451.548.231)	(1.801.262.378)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.038.175.142</b>	<b>(26.578.217.860)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.066.133.045)	(8.908.557.148)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	88.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.000.000.000)	(42.501.472.337)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.937.000.000	23.333.458.377
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.770.807.286	1.521.029.957
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.270.325.759)</b>	<b>(26.555.541.151)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.278.772.746.194	1.301.667.616.399
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.256.011.253.386)	(1.251.199.076.884)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(662.718.012)	(840.297.104)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(248.400.000)	(255.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>21.850.374.796</b>	<b>49.373.242.411</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>29.618.224.179</b>	<b>(3.760.516.600)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	39.777.636.400	43.538.153.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	69.395.860.579	39.777.636.400

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 20/06/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21/01/2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

**1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tờ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02-B4, KĐT Phước Long - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Công ty có một công ty con với thông tin như sau:

Công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai, tỷ lệ kiểm soát 100%. Địa chỉ khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

#### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

#### 1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 293 người (tại ngày 31/12/2023 là 294 người).

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

#### **2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 1.4.) năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng;
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### 3.4 TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

#### 3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

#### **3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

#### 3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

#### 3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuê kho, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm. Chi phí thuê kho được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng cho thuê kho.

#### 3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

### 3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận khi quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

#### 3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.21 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.22 BẢO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	9.198.259.046	6.093.217.577
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.197.601.533	33.684.418.823
<b>Cộng</b>	<b>69.395.860.579</b>	<b>39.777.636.400</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.850.710.971</b>	<b>4.798.007.570</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	1.034.891.663	1.212.391.663
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	607.468.608	421.314.432
- Chi phí trả trước khác	2.208.350.700	3.164.301.475
<b>b) Dài hạn</b>	<b>500.678.697</b>	<b>839.091.574</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	299.672.132	330.448.477
- Chi phí sửa chữa	25.110.853	307.848.993
- Các khoản khác	175.895.712	200.794.104
<b>Cộng</b>	<b>4.351.389.668</b>	<b>5.637.099.144</b>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất (*)	31.049.377.274	31.049.377.274
<b>Cộng</b>	<b>31.049.377.274</b>	<b>31.049.377.274</b>

(\*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng 25.049.377.247 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất 1.000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

## 7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a) Ngắn hạn	42.200.000.000	42.200.000.000	19.200.000.000	19.200.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank (1)	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (1)	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000
b) Dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.200.000.000</b>	<b>52.200.000.000</b>	<b>29.200.000.000</b>	<b>29.200.000.000</b>

(1) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất 2,9%/năm - 4,6%/năm.

(2) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, kỳ hạn 10 năm, lãi suất 6,525%/năm

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	3.110.732.745	-	8.877.887.882	-
- Nguyên liệu, vật liệu	186.562.542.366	-	173.022.641.194	-
- Công cụ, dụng cụ	68.347.685	-	82.814.293	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.890.680.169	-	19.736.497.104	-
- Thành phẩm	77.521.447.966	-	69.320.746.844	-
- Hàng hóa	150.327.270.861	-	165.379.970.201	-
<b>Cộng</b>	<b>440.481.021.792</b>	<b>-</b>	<b>436.420.557.518</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	281.708.126.416	(1.197.863.881)	274.216.588.965	(822.711.533)
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	38.092.557.522	-	32.411.037.784	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hưng Thịnh	43.451.898.043	-	16.539.337.719	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Hải Phát	25.677.317.359	-	35.697.725.317	-
- Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại - Dịch vụ Thiên Thành Lợi	43.793.395.212	-	40.575.630.955	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kim loại VINA	35.886.733.980	-	41.063.232.472	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kỹ thuật Đại Phú Thịnh	18.889.480.150	-	34.344.710.041	-
- Các đối tượng khác	75.916.744.150	(1.197.863.881)	73.584.914.677	(822.711.533)
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>281.708.126.416</b>	<b>(1.197.863.881)</b>	<b>274.216.588.965</b>	<b>(822.711.533)</b>

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	27.950.652.128	-	9.850.231.223	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	26.347.364.210	-	7.837.834.997	-
- Ký cược, ký quỹ	198.439.316	-	159.439.316	-
- Kinh phí công đoàn	101.488.751	-	72.282.451	-
- Bảo hiểm xã hội	166.507.845	-	154.676.375	-
- Các khoản phải thu khác	1.136.852.006	-	1.625.998.084	-
b) Dài hạn	250.460.684	-	630.743.934	-
- Ký cược, ký quỹ	250.460.684	-	630.743.934	-
<b>Cộng</b>	<b>28.201.112.812</b>	<b>-</b>	<b>10.480.975.157</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	124.423.746.595	48.989.780.767	50.512.545.190	12.505.667.300	236.431.739.852
- Phân loại lại tài sản	-	(36.656.500)	-	36.656.500	-
- Mua trong năm	-	1.422.658.020	-	1.184.406.364	2.607.064.384
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.540.000.000	1.744.347.818	-	5.284.347.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(578.221.346)	-	(578.221.346)
<b>31/12/2024</b>	<b>124.423.746.595</b>	<b>53.915.782.287</b>	<b>51.678.671.662</b>	<b>13.726.730.164</b>	<b>243.744.930.708</b>
<b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	(39.372.023.286)	(35.383.877.889)	(40.128.891.882)	(9.836.424.820)	(124.721.217.877)
- Phân loại lại tài sản	-	12.218.840	-	(12.218.840)	-
- Khấu hao trong năm	(8.264.956.130)	(3.393.330.492)	(4.394.314.097)	(1.435.531.280)	(17.488.131.999)
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(2.220.952.386)	(643.196.267)	-	(2.864.148.653)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	558.313.973	-	558.313.973
<b>31/12/2024</b>	<b>(47.636.979.416)</b>	<b>(40.985.941.927)</b>	<b>(44.608.088.272)</b>	<b>(11.284.174.940)</b>	<b>(144.515.184.556)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	85.051.723.309	13.605.902.878	10.383.653.308	2.669.242.480	111.710.521.975
<b>31/12/2024</b>	<b>76.786.767.179</b>	<b>12.929.840.360</b>	<b>7.070.583.390</b>	<b>2.442.555.224</b>	<b>99.229.746.152</b>

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 41.504.945.552 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 46.445.748.513 đồng);

- Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là 41.277.062.750 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 37.699.984.081 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	4.610.944.420	1.734.881.818	6.345.826.238
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.520.000.000)	(1.734.881.818)	(5.254.881.818)
31/12/2024	<u>1.090.944.420</u>	<u>-</u>	<u>1.090.944.420</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2024	(2.584.600.526)	(572.215.360)	(3.156.815.886)
- Khấu hao trong năm	(41.904.762)	(247.103.580)	(289.008.342)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	2.262.857.148	601.130.056	2.863.987.204
31/12/2024	<u>(363.648.140)</u>	<u>(218.188.884)</u>	<u>(581.837.024)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	<u>2.026.343.894</u>	<u>1.162.666.458</u>	<u>3.189.010.352</u>
31/12/2024	<u>727.296.280</u>	<u>(218.188.884)</u>	<u>509.107.396</u>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	54.061.075.444	1.063.059.000	55.124.134.444
31/12/2024	<u>54.061.075.444</u>	<u>1.063.059.000</u>	<u>55.124.134.444</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2024	(13.620.619.966)	(1.019.414.161)	(14.640.034.127)
- Khấu hao trong năm	(1.192.201.596)	(16.863.495)	(1.209.065.091)
31/12/2024	<u>(14.812.821.562)</u>	<u>(1.036.277.656)</u>	<u>(15.849.099.218)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	<u>40.440.455.478</u>	<u>43.644.839</u>	<u>40.484.100.317</u>
31/12/2024	<u>39.248.253.882</u>	<u>26.781.344</u>	<u>39.275.035.226</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)**

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam tại ngày 31/12/2024 là 4.433.101.656 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 4.433.101.656 đồng).
- Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn với giá trị còn lại tại 31/12/2024 là 32.152.666.037 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 33.157.436.861 đồng).
- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2024 là 110.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 110.000.000 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	37.109.991.877	37.109.991.877	28.885.658.669	28.885.658.669
- Công ty TNHH Posco VST	3.280.782.394	3.280.782.394	4.634.553.902	4.634.553.902
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.912.164.041	5.912.164.041	1.887.248.632	1.887.248.632
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	19.220.046.907	19.220.046.907	10.055.515.981	10.055.515.981
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.167.429.513	1.167.429.513	-	-
- Các đối tượng khác	7.529.569.022	7.529.569.022	12.308.340.154	12.308.340.154
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.109.991.877</b>	<b>37.109.991.877</b>	<b>28.885.658.669</b>	<b>28.885.658.669</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	457.946.150	4.946.017.315	5.230.171.585	173.791.880
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	114.526.696	114.526.696	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.673.175.714	3.004.860.231	3.451.548.231	2.226.487.714
- Thuế thu nhập cá nhân	39.902.753	469.615.441	459.462.384	50.055.810
- Các loại thuế khác	-	33.500.000	33.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.171.024.617</b>	<b>8.568.519.683</b>	<b>9.289.208.896</b>	<b>2.450.335.404</b>

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	5.230.525	1.300.851.404	1.443.892.529	148.271.650
<b>Cộng</b>	<b>5.230.525</b>	<b>1.300.851.404</b>	<b>1.443.892.529</b>	<b>148.271.650</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Trong năm Tăng	Giảm	01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>						
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	572.406.613.130	572.406.613.130	1.278.782.740.504	1.256.269.470.156	549.893.342.782	549.893.342.782
<i>Vay ngắn hạn</i>	572.406.613.130	572.406.613.130	1.278.772.746.194	1.255.793.064.502	549.426.931.438	549.426.931.438
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12 (1)	173.464.635.264	173.464.635.264	375.656.649.280	377.998.202.194	175.806.188.178	175.806.188.178
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (2)	178.713.033.810	178.713.033.810	417.680.121.265	415.262.854.675	176.295.767.220	176.295.767.220
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank (3)	15.832.603.190	15.832.603.190	38.368.678.947	71.501.951.039	48.965.875.282	48.965.875.282
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Gia Định (4)	29.265.866.038	29.265.866.038	29.265.866.038	29.332.077.490	29.332.077.490	29.332.077.490
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (5)	33.261.054.390	33.261.054.390	46.242.353.050	12.981.298.660		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam (6)	114.409.660.894	114.409.660.894	333.619.318.070	338.236.680.444	119.027.023.268	119.027.023.268
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (7)	27.459.759.544	27.459.759.544	37.939.759.544	10.480.000.000		
<i>Nợ thuế tài chính (8)</i>	-	-	9.994.310	476.405.654	466.411.344	466.411.344
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	9.994.310	476.405.654	466.411.344	466.411.344
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	509.107.396	509.107.396	-	404.501.242	913.608.638	913.608.638
<i>Nợ thuế tài chính (8)</i>	509.107.396	509.107.396	-	404.501.242	913.608.638	913.608.638
<b>Cộng</b>	<b>572.915.720.526</b>	<b>572.915.720.526</b>	<b>1.278.782.740.504</b>	<b>1.256.673.971.398</b>	<b>550.806.951.420</b>	<b>550.806.951.420</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng Cho vay Hạn mức số 95/2024-HĐCVHM/NHCT944-SHA ngày 21/10/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 12 Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - Hạn mức: 300.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 21/10/2025;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thoả thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
  - Các biện pháp bảo đảm: Các thoả thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/7015218/HĐTD ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C;
  - Hạn mức: 250.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến hết ngày 25/11/2025;
  - Lãi suất áp dụng theo lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
  - Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ bao gồm nhưng không giới hạn các Hợp đồng bảo đảm sau:
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/7015218/HĐBĐ ngày 09/08/2019 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/7015218/HĐBĐ ngày 18/03/2020 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV Chi nhánh Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2022/7015218/HĐBĐ ngày 26/05/2022 được ký giữa Ông Nguyễn Trần Tân Nguyên cùng Bà Ngô Thị Thanh Lan và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2022/7015218/HĐBĐ ngày 13/07/2022 được ký giữa Ông Nguyễn Duy Phước và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2022/7015218/HĐBĐ ngày 19/08/2022 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 03/2022/7015218/HĐBĐ ngày 22/09/2022 được ký giữa Ông Hoàng Tuấn Thanh cùng Bà Mai Thị Thanh Hương và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/7015218/HĐBĐ ngày 21/12/2023 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Và các Hợp đồng bảo đảm khác được giao kết cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng và/hoặc bên thứ ba (gọi chung là Bên bảo đảm) với Ngân hàng để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách hàng tại Ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (3) Khoản vay theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 094/2023/FA.01 ngày 19/05/2023 giữa Công ty và Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Hỗ trợ vốn lưu động và/hoặc nhập khẩu nguyên liệu và/hoặc hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty;
  - Hạn mức: 50.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, theo điều khoản tự động gia hạn, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này có thời hạn từ 19/05/2024 đến 19/05/2025;
  - Lãi suất: Phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện được quy định cụ thể tại Hợp đồng, từng phụ lục liên quan của Hợp đồng này và/hoặc các đơn yêu cầu/tài liệu liên quan;
  - Các biện pháp bảo đảm: Thông tin chi tiết được nêu trong Hợp đồng cầm cố số 094/2023/PA.01 ngày 19/05/2023.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 220800.24.105.29111278.TD ngày 17/06/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Gia Định với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 170.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 10/06/2025;
  - Lãi suất áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng kỳ;
  - Các biện pháp bảo đảm: Sổ tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi/ Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành và được Ngân hàng chấp thuận, hàng hoá/ quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 9647118.24 ngày 23/05/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
  - Lãi suất: được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc được thông báo công khai trên website của VIB và/hoặc theo hình thức thông báo khác do VIB quyết định trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp bảo đảm:
    - + Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm do Ngân hàng phát hành và được Ngân hàng chấp thuận;
    - + Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Hoàng Hà.
- (6) Khoản vay theo hợp đồng Cho vay Hạn mức số 54/2024-HĐCVHM/NHCT482-SONHACHULAI ngày 26/07/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 120.000.000.000 đồng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Lãi suất và thời hạn cho vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng đối với mảng sản xuất và không quá 3 tháng đối với mảng thương mại;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: 26/07/2024 đến hết ngày 05/07/2025;
  - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng:
    - + Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66-2017/HĐTC-KHDN ngày 09/08/2017;
    - + Hợp đồng thế chấp động sản số 73-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015;
    - + Hợp đồng thế chấp động sản số 74-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015;
    - + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hàng hóa số 081-2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015;
    - + Hợp đồng thế chấp động sản số 108/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 25/12/2018;
    - + Hợp đồng thế chấp động sản số 17/2020HĐBĐ/NHCT482-KHDN ngày 05/05/2020.
- (7) Khoản vay theo hợp đồng Cho vay Hạn mức số REF2426400176/HĐHMTDLT ngày 07 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán và phát hành L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất và thương mại bồn inox
  - Hạn mức: 30.000.000.000 đồng
  - Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo quy định của pháp luật và được quy định cụ thể trong các Giấy (Khế ước) nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Công ty và Khách hàng
  - Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
  - Biện pháp bảo đảm: Khoản vay không có tài sản bảo đảm
- (8) Khoản thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.026/2022/TSC - CTTC ngày 04/04/2022 giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với các điều khoản cụ thể:
- Giá trị tài sản thuê (tạm tính - có VAT) là: 1.472.727.273 đồng, bao gồm:
    - + 1 máy khuôn ép cổ bồn 350: 638.181.818 đồng;
    - + 1 máy khuôn ép dẹt hình 350: 834.545.455 đồng.
  - Thời hạn thuê: 60 tháng, từ ngày 13/04/2022 đến hết ngày 13/04/2027;
  - Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Lãi suất cho thuê áp dụng trong tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm, thời gian ưu đãi lãi suất không quá 31/12/2022. Sau ngày 31/12/2022, lãi suất cho thuê được xác định bằng trần lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đối với khách hàng cá nhân cộng với biên độ 5% của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần;
  - Lịch thanh toán tiền thuê được quy định trong Phụ lục Hợp đồng số 01 Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.026/2022/TSC-CTTC ngày 18/04/2022;
  - Hợp đồng không có bảo lãnh, thế chấp, cầm cố.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.009.867.677</b>	<b>4.410.566.039</b>
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	5.683.315.352	2.762.201.783
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1.634.958.893	1.060.484.046
- Chi phí lãi vay	691.593.432	587.880.210
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.009.867.677</b>	<b>4.410.566.039</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>690.381.316</b>	<b>643.367.395</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	205.897.967	205.298.009
- Kinh phí công đoàn	87.950.276	270.634.296
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.533.073	167.435.090
<b>b) Dài hạn</b>	<b>234.919.000</b>	<b>251.919.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	234.919.000	251.919.000
<b>Cộng</b>	<b>925.300.316</b>	<b>895.286.395</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>01/01/2023</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>400.966.331.532</b>					
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.386.563.662				12.386.563.662	
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	(282.600.000)				(282.600.000)	
<i>Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>	-	-	-	(282.600.000)				(282.600.000)	
<b>31/12/2023</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>413.070.295.194</b>					
<b>01/01/2024</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>413.070.295.194</b>					
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.496.271.605				13.496.271.605	
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	(276.000.000)				(276.000.000)	
<i>Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>	-	-	-	(276.000.000)				(276.000.000)	
<b>31/12/2024</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>426.290.566.799</b>					

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 23/2024/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	52.644.630.000	50.108.880.000
- Ông Lê Hoàng Hà	44.688.940.000	28.795.530.000
- Các cổ đông khác	237.133.180.000	255.562.340.000
<b>Cộng</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>334.466.750.000</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CÒ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	334.466.750.000	334.466.750.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	334.466.750.000	334.466.750.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>276.000.000</b>	<b>282.600.000</b>

**19.4 CỐ PHIẾU**

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.446.675	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.446.675	33.446.675
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.446.675	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.446.675	33.446.675
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.446.675	33.446.675
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**19.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	13.686.797.071

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.224.134.184.364	1.156.231.495.236
<b>Cộng</b>	<b>1.224.134.184.364</b>	<b>1.156.231.495.236</b>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chiết khấu thương mại	81.209.256.889	72.379.027.405
- Hàng bán bị trả lại	2.556.324.423	237.701.355
<b>Cộng</b>	<b>83.765.581.312</b>	<b>72.616.728.760</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.002.430.915.096	938.894.283.018
<b>Cộng</b>	<b>1.002.430.915.096</b>	<b>938.894.283.018</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.879.547.889	2.094.663.386
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.051.362	2.219.503
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.773.321.700	3.629.524.782
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.200.571	-
<b>Cộng</b>	<b>8.680.121.522</b>	<b>5.726.407.671</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	36.571.634.872	43.703.290.249
- Chiết khấu thanh toán	-	110.681.026
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	102.001.121	253.838.840
<b>Cộng</b>	<b>36.673.635.993</b>	<b>44.067.810.115</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22.965.780.663</b>	<b>24.850.841.570</b>
- Chi phí nhân viên	9.842.854.190	9.536.054.630
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	446.163.123	500.827.317
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.416.663.095	3.341.156.585
- Chi phí dự phòng	375.152.348	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.357.033.161	2.548.497.433
- Chi phí quản lý khác	7.527.914.746	8.924.305.605
<b>b) Chi phí bán hàng</b>	<b>70.950.903.842</b>	<b>66.680.200.471</b>
- Chi phí nhân viên	39.457.249.688	36.339.069.126
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.558.883.872	1.368.865.345
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.889.004.728	9.217.953.793
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.135.561.609	4.158.462.922
- Chi phí bán hàng khác	17.910.203.945	15.595.849.285
<b>Cộng</b>	<b>93.916.684.505</b>	<b>91.531.042.041</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi thanh lý tài sản cố định	80.000.000	45.454.545
- Tiền bồi thường nhận được	-	407.955.374
- Các khoản khác	317.388.650	398.757.721
<b>Cộng</b>	<b>397.388.650</b>	<b>852.167.640</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	146.409.212.177	145.892.032.204
- Chi phí nhân công	58.769.103.688	54.148.195.954
- Khấu hao tài sản cố định	18.986.366.881	18.920.343.853
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.467.077.200	8.268.438.833
- Chi phí bằng tiền khác	26.360.766.282	25.023.807.288
<b>Cộng</b>	<b>257.992.526.228</b>	<b>252.252.818.132</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.004.860.231	3.286.746.494
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	1.828.780.606	2.194.032.276
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	1.176.079.625	1.092.714.218
<b>29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI</b>		
	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chênh lệch giá trị dự phòng Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu lai trích lập	2.021.333.726	-
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	501.395.013	1.130.325.875
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bán cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chưa bán ra bên ngoài	13.465.055.210	15.935.395.772
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.987.783.949	17.065.721.647
Trong đó:		
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	2.522.728.739	1.130.325.875
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 5%	13.465.055.210	15.935.395.772
Thuế TNDN hoãn lại ước tính	(1.177.798.509)	(1.022.834.964)
Thuế TNDN hoãn lại năm trước	1.022.834.964	1.002.685.876
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(154.963.545)</b>	<b>(20.149.088)</b>
<b>30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.496.271.605	12.386.563.662
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	33.446.675	33.446.675
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>404</b>	<b>370</b>
<b>31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

*Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2024	Hàng gia dụng VND	Hàng công nghiệp VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	421.266.782.808	719.101.820.244	1.140.368.603.052
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>421.266.782.808</b>	<b>719.101.820.244</b>	<b>1.140.368.603.052</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	124.792.542.671	13.145.145.285	137.937.687.956 (93.916.684.505)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>44.021.003.451</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			8.680.121.522
Chi phí tài chính			(36.673.635.993)
Thu nhập khác			397.388.650
Chi phí khác			(78.709.339)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.004.860.231)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			154.963.545
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>13.496.271.605</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2023	Hàng gia dụng VND	Hàng công nghiệp VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	365.422.010.756	718.192.755.720	1.083.614.766.476
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>365.422.010.756</b>	<b>718.192.755.720</b>	<b>1.083.614.766.476</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	131.575.338.173	13.145.145.285	144.720.483.458
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(91.531.042.041)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>53.189.441.417</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			5.726.407.671
Chi phí tài chính			(44.067.810.115)
Thu nhập khác			852.167.640
Chi phí khác			(47.045.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.286.746.494)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			20.149.088
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>12.386.563.662</b>

Do đặc thù hoạt động kinh doanh nên Ban Tổng Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp. Theo đó, Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>	<b>3.998.460.544</b>	<b>6.981.503.884</b>
- Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	300.000.000
- Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	3.998.460.544	6.661.087.347
- Xuất trả hàng	-	20.416.537
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>	<b>198.605.104.370</b>	<b>147.739.308.750</b>
- Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	192.988.117.579	142.542.821.242
- Các khoản chiết khấu	5.267.464.550	5.037.202.017
- Xuất trả hàng	349.522.241	159.285.491
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh</b>	<b>624.953.794.055</b>	<b>607.917.496.498</b>
- Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	622.390.651.847	607.431.567.286
- Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	2.483.142.208	485.929.212
- Bán tài sản cố định	80.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh</b>	<b>2.170.385.470</b>	-
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	2.170.385.470	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà</b>	-	<b>9.112.113.299</b>
- Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	9.112.113.299

*Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>1.847.432.156</b>	<b>3.465.309.323</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	2.283.675.897
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	1.847.432.156	1.181.633.426
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>9.730.058.161</b>	<b>13.036.856.972</b>
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.167.429.513	659.075.536
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.912.164.041	1.887.248.632
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	181.262.306	435.016.823
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	2.469.202.301	10.055.515.981

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

Thành viên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>804.780.000</b>	<b>780.878.000</b>
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc	420.780.000	430.412.000
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	350.466.000
<b>Tiền lương của Ban Kiểm soát</b>		<b>631.076.000</b>	<b>683.835.000</b>
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban	234.707.000	241.481.000
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên	192.125.000	225.978.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	204.244.000	216.376.000
<b>Thù lao của Hội đồng quản trị</b>		<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên	36.000.000	36.000.000
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>		<b>72.000.000</b>	<b>72.000.000</b>
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.711.856.000</b>	<b>1.740.713.000</b>

**33.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**33.3 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

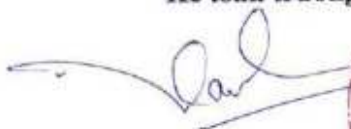
*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025*

**Người lập**



**Lê Hoàng Oanh**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thu Hạnh**

**Tổng giám đốc**



**Ngô Thị Thanh Lan**

